

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HS-PT  
Ngày 06-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Trần Văn Lực

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

**- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến Tại điểm cầu thành phần:** Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 64/2022/HS-PT, ngày 01 tháng 8 năm 2022 do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị cáo bị kháng cáo: Huỳnh Văn V**, sinh năm 1976; Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: thợ sửa máy; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh G, sinh năm 1947 và bà Vũ Thị A, sinh năm 1952; có vợ và 02 con; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2022 cho đến ngày 14/6/2022 được trả tự do tại phiên tòa cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

**- Bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- *Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Thượng U là luật sư, Văn phòng luật sư V thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ở cạnh nhà nhau và có mâu thuẫn từ trước. Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 11/01/2021, chị Phạm Thị Thúy Y là con dâu bà N xảy ra cự cãi với Trần Thị Kiều T là vợ bị cáo Huỳnh Văn V. Lúc này bà Nguyễn Thị N là mẹ chồng của chị Y nghe được nên bước tới lời qua tiếng lại với chị T thì bị chị T đánh trúng vào mặt một cái, sau đó bà N, chị Y và chị T xảy ra xô xát với nhau. Lúc này bị cáo V từ sau chạy đến dùng hai tay đẩy vào người bà N từ trước trong tư thế mặt đối mặt làm bà N mất thăng bằng té xuống nền lộ trong tư thế ngồi, vụ việc sau đó được mọi người can ngăn.

Sau khi té ngã, bà N bị đau ở cột sống, đến ngày 12/01/2021 bà N đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị với chẩn đoán: Chấn thương cột sống thắt lưng, bệnh trào ngược dạ dày, thực quản, đến ngày 14/01/2021 thì bà N xuất viện.

Ngày 15/01/2021 bà N đến bệnh viện chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh điều trị, kết quả chẩn đoán gãy lún nhiều mảnh cột sống N11-N12.

Đến ngày 03/02/2021 bà N đến bệnh viện đa khoa Trà Vinh tiếp tục nhập viện với chẩn đoán Bệnh trào ngược dạ dày, thực quản, cao huyết áp, chấn thương cột sống thắt lưng, tăng men gan, rối loạn lipid máu, đến ngày 07/02/2021 thì xuất viện.

Sau đó, ngày 24/02/2021 bà N tiếp tục nhập viện đa khoa Trà Vinh điều trị với chẩn đoán gãy lún T11-T12 (S22.0), đến ngày 25/02/2021 thì xuất viện.

Đến ngày 19/11/2021 của bà Nguyễn Thị N, có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn V do có hành vi gây thương tích cho bà.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 36/21/TgT ngày 14/4/2021 của Trung tâm pháp y-Sở y tế Trà Vinh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thị N là 26%, cơ chế hình thành vết thương trên người của nạn nhân Nguyễn Thị N là:

+ Do ngoại lực tác động trực tiếp

- + Vật gây ra thương tích trên là do va đập vào vật tày cứng
- + Hướng từ trên xuống

Ngày 31/5/2021 bị cáo Huỳnh Văn V có đơn yêu cầu giám định lại thương tích của bà Nguyễn Thị N. Tại bản kết luận giám định số 500/C09B và số 501/C09B ngày 18/01/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Nguyễn Thị N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị N – Gãy lún đốt sống T11-T12, xác định tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thị N là 26%. Thương tích của bà N có đặc điểm phù hợp do cơ chế lực dồn ép gây ra. Trường hợp ngã ngòai mạnh gây ra được tổn thương lún đốt sống.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm xác định lỗi trong vụ án là lỗi hỗn hợp bị cáo 60% lỗi, bị hại 40% lỗi nên buộc bị cáo bồi thường cho bà N số tiền 58.798.400 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2022, bị hại Nguyễn Thị N kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo không cho bị cáo hưởng án treo, yêu cầu bị cáo bồi thường 188.537.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn V thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã thể hiện, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

*Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì cho rằng đã đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” nên Tòa án cấp sơ xác định tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt cũng đã xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, yếu tố lỗi của bị hại là thường xuyên chửi bị cáo và bị hại có lời lẽ xúc phạm đến vợ bị cáo. Từ đó án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm

tù cho hưởng án treo là hợp tình, hợp lý đúng quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự Tòa án cấp khi xem xét buộc bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự trong đó có tiền xe, bị hại thường xuyên đi điều trị bệnh bằng xe taxi là chưa hợp lý nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Tiền thuốc điều trị, ngoài điều trị thương tích do bị cáo gây ra thì bị hại còn nhiều điều trị bệnh lý khác được cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ là không phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên xét thấy về việc xác định lỗi đây là lỗi hỗn hợp giữa bị cáo và bị hại đều có lỗi, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo lỗi 60%, bị hại lỗi 40% để xác định trách nhiệm buộc bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự tương đương với mức lỗi là hoàn toàn phù hợp, do cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong xác định thiệt hại của vụ án vì vậy quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo bị ảnh hưởng riêng đối với bị hại là có lợi. Do đó kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng bồi thường trách nhiệm dân sự là không có cơ sở, riêng đối với yêu cầu tiền tổn thất tinh thần, tại Tòa án cấp sơ thẩm bị hại không yêu cầu nên không xem xét, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị hại yêu cầu là không có cơ sở cấp nhận. Đối với ba hóa đơn bó thuốc với số tiền 2.520.000 đồng mặc dù không có chỉ định của Bác sĩ nhưng thực tế bà N có chữa trị đúng với thương tích do bị cáo gây ra cho bà N, do đó có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Hình sự không chấp nhận yêu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về hình phạt, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N về bồi thường trách nhiệm dân sự.

- *Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Về hình phạt qua xác minh về nhân thân, thấy rằng bị cáo ở địa phương mâu thuẫn rất nhiều người nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định và cho bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo là có phần chưa phù hợp. Tuy nhiên việc chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về trách nhiệm bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án này cấp sơ thẩm xác định bị cáo lỗi 60%, bị hại lỗi 40% để buộc bị cáo bồi thường 60 % phần thiệt hại dân sự trong vụ án là chưa hợp lý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Văn V khai nhận: Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 11 tháng 01 năm 2021, do thấy vợ bị cáo và Phạm Thị Thúy Y, bà Nguyễn Thị N đánh nhau nên bị cáo đi đến dùng hai tay đẩy

mạnh vào người bà N từ trước trong tư thế mặc đối mặc làm bà N mất thăng bằng té xuống nền lộ trong tư thế té ngồi gây thương tích đối với bà Nguyễn Thị N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 26% bị cáo thừa nhận hành vi bị cáo thực hiện là phạm tội nên án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu tăng hình phạt không cho bị cáo hưởng án treo Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn V là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, sức khỏe của con người là vốn quý không có gì bù đắp được, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống giữa gia đình bị cáo với gia đình bị hại mà bị cáo gây ra thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 26% là hành vi trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà N. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá xem xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, mục đích của bị cáo chỉ can ngăn việc đánh nhau giữa vợ bị cáo với bà N và chị Y. Trong vụ án này xét về yếu tố lỗi thì người bị hại cũng có lỗi, bởi vì qua tranh tụng công khai tại phiên tòa người bị hại xác định nhiều lần chửi gia đình bị cáo và vợ bị cáo và cũng thừa nhận là có lời lẽ xúc phạm đến vợ bị cáo mặc dù không phải nguyên nhân trực tiếp nhưng đây là nguyên nhân gián tiếp để dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi gây thương tích cho bà N. Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có người thân có công với cách mạng, bị cáo tác động gia đình nộp 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây cũng cho thấy rằng bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của bị cáo, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi, do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo, từ đó cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, bị hại Nguyễn Thị N kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết tăng nặng nào mới. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu tăng bồi thường về trách nhiệm bồi thường dân sự Hội đồng xét xử nhận thấy: về lỗi trong vụ án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo và bị hại cùng có lỗi trong đó bị cáo lỗi 60%, bị hại lỗi 40% xét thấy bị cáo khi thực hiện hành vi của bị cáo là cố ý xô bị hại té từ đó dẫn đến bị hại bị thiệt hại sức khỏe tỷ lệ 26% đây là trường hợp cố ý về hành vi nhưng vô ý về hậu quả nên về mối quan hệ nhân quả bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi bị cáo gây ra cho N.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại bà N yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 187.444.000 đồng. Trong đó tiền thuốc và tiền xe là 42.000.000 đồng, tiền ngày công lao động từ khi xảy ra sự việc cho đến khi bà đủ 60 tuổi là 118.560.000 đồng, tiền công người nuôi bệnh cho bà là 200.000 đồng /ngày/132 ngày với tổng số tiền là 26.400.000 đồng. Bà không yêu cầu bồi thường

tiền tổn thất tinh thần.

Xét thấy đối với tiền thuốc và tiền xe bà N yêu cầu là 42.484.000 đồng trong đó tiền thuốc 19.547.000 đồng, tiền xe có các biên lai nộp tiền, phiếu thu, biên nhận kèm theo 22.937.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 40.664.000 đồng, không chấp nhận hai hóa đơn bó thuốc với số tiền 1.820.000 đồng lý do không do chỉ định của Bác sĩ điều trị và các định bà N lỗi 40%, bị cáo lỗi 60% nên buộc bị cáo V phải chịu 60% chi phí điều trị cho bà của số tiền là 24.398.400 đồng. Xét thấy trong quá trình điều trị về tiền xe bà N sử dụng đi lại rất nhiều lần bằng phương tiện taxi khi không thuộc trường hợp cấp cứu trong khi đi và đến có phương tiện vận tải công cộng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận chi phí hợp lý là chưa phù hợp pháp luật, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp và có lợi cho bà N. Về tiền thuốc điều trị ngoài thương tích do bị cáo gây ra cho bà N thì bà N còn điều trị bệnh trào ngược dạ dày – thực quản, cao huyết áp, tăng men gan, rối loạn lipid máu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm tra phần tiền thuốc nào điều trị thương tích do bị cáo gây ra, phần tiền thuốc nào điều trị bệnh lý để xem xét trách nhiệm buộc bị cáo bồi thường mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N là chưa đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo và có lợi cho bà N, nên quyền lợi bà N không bị ảnh hưởng. Việc xác định của cấp sơ thẩm về lỗi của bị cáo và bị hại là hợp lý, sau khi xét xử bị cáo không có kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng tự nguyện bồi thường cho bà N số tiền bồi thường như án sơ thẩm đã tuyên nên Hội đồng xét xử có căn cứ để công nhận, cấp sơ thẩm không chấp nhận hai hóa đơn bó thuốc với số tiền 182.000.000 đồng lý do không có chỉ định của Bác sĩ điều trị nhưng thực tế bà N yêu cầu gồm ba hóa đơn số tiền 2.520.000 đồng mặc dù không có chỉ định của bác sĩ nhưng thực tế bà N có chữa trị đúng với thương tích do bị cáo gây ra cho bà N, nên việc cấp sơ thẩm không chấp nhận là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không tự nguyện đồng ý bồi thường nhưng có căn cứ để Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho bị hại.

Đối với tiền công lao động 118.560.000 đồng (240 đồng/ngày từ ngày xảy ra sự việc là ngày 11/01/2021 đến ngày 19/5/2022 khi bà N tròn 60 tuổi). Bà N không đưa ra cơ sở chứng minh việc thương tích của bà như trên thì bà sẽ bị mất khả năng lao động vĩnh viễn, đồng thời theo biên bản làm việc ngày 23/6/2021 của Cơ quan điều tra Công an huyện L làm việc với Bác sĩ Lê Thanh Nh, Phó trưởng khoa ngoại thần kinh Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh, thì đối với bình thường trường hợp gãy lún T11-T12 là khoảng 03 tháng mới lành chỗ lún. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần 90 ngày dưỡng bệnh và 10 ngày nhập viện là 100 ngày với mức lao động phổ thông tại địa phương là 240.000 đồng một người/ngày với tổng số tiền là 24.000.000 đồng, buộc bị cáo V phải bồi thường cho bà N 60% là 14.400.000 đồng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó bà N kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền công 26.400.000 đồng (132 ngày x 200.000 đồng từ

ngày 11/01/2021 đến 22/5/2021). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thời gian 03 tháng dưỡng bệnh cần người chăm sóc và 10 ngày bà N nhập viện điều trị tổng cộng là 100 ngày với số tiền 200.000 đồng/ngày = 20.000.000 đồng và buộc bị cáo bồi thường số tiền này là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Do đó bà N kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường số tiền 58.798.400 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm trừ ra 50.000.000 bị cáo tự nguyện nộp tại Chi Cục thi hành án để không tính án phí phần 50.000.000 đồng này là không đúng quy định của pháp luật, vì vậy phần án phí dân sự sơ thẩm Tòa án cấp phúc xét buộc bị cáo nộp cho đúng quy định pháp luật.

[5] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có cơ sở nên Hội đồng xét không được chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị hại Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N về hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N về bồi thường trách nhiệm dân sự.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh về hình phạt, sửa án án sơ thẩm về bồi thường trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Văn V cho Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh là nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

*Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 588, 590 và khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn V bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 61.318.400 (sáu mươi một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm) đồng. Giao Chi Cục thi hành án dân sự huyện L tiếp tục quản lý số tiền mà bị cáo đã nộp 50.000.000 đồng để đảm bảo thi hành bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về án phí:* Buộc bị cáo Huỳnh Văn V phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.065.920 ( Ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị hại Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Phiên tòa phúc thẩm được diễn ra theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện L (với sự hỗ trợ của ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Cơ quan THAHS CA L
- Cơ quan CSĐT CA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thành**